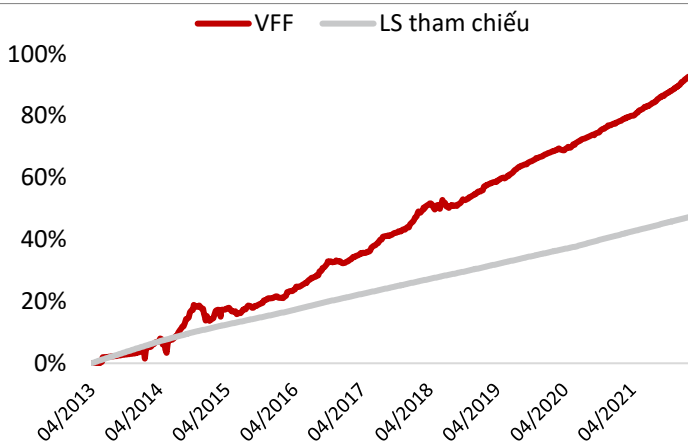


VFF Chiến lược đầu tư

- Mang lại lợi nhuận hấp dẫn và ổn định từ vốn đầu tư gia tăng giá trị, trái tức và các công cụ gia tăng giá trị khác.
- Tối thiểu 80% tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ phân bổ vào trái phiếu chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh, trái phiếu địa phương, giấy tờ có giá phát hành bởi các tổ chức tín dụng hàng đầu, và công cụ tiền gửi tiết kiệm ngắn hạn.

Tăng trưởng NAV từ ngày thành lập



Số liệu thể hiện là kết quả đầu tư trong quá khứ, không đại diện cho kết quả đầu tư trong tương lai. Sẽ có biến động đối với vốn gốc và lợi nhuận đầu tư do đó NĐT có thể lời hoặc lỗ khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ. Kết quả đầu tư hiện tại có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với số liệu được trích dẫn tại báo cáo này.

Hiệu suất đầu tư của quỹ VFF

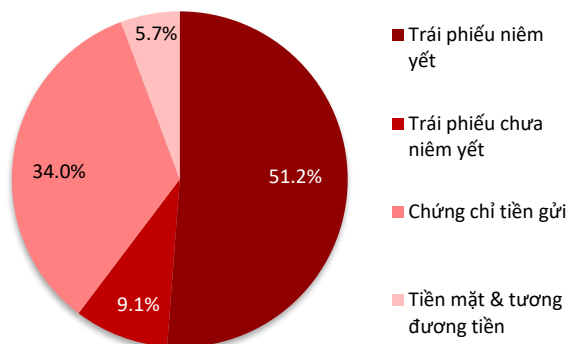
	VFF	Chỉ số TC
Tổng tài sản Quỹ (tỷ VNĐ)	710	
Giá trị tài sản ròng/CCQ (VNĐ)	19.263	
Lợi nhuận tháng 1/2022 (%)	0,80	0,47
Lợi nhuận từ đầu năm 2022 (%)	0,80	0,47
Lợi nhuận trung bình 3 năm (%)	6,93	5,07
Lợi nhuận trung bình hàng năm từ khi thành lập (%)	7,70	4,47
Lợi nhuận từ ngày thành lập (%)	92,63	47,23

(Giá trị tài sản ròng của quỹ đã trừ đi các chi phí vận hành và phí quản lý)

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư: irwm@vinacapital.com
Tel: +84 28 38 27 85 35

Phân bổ tài sản

% Giá trị tài sản ròng



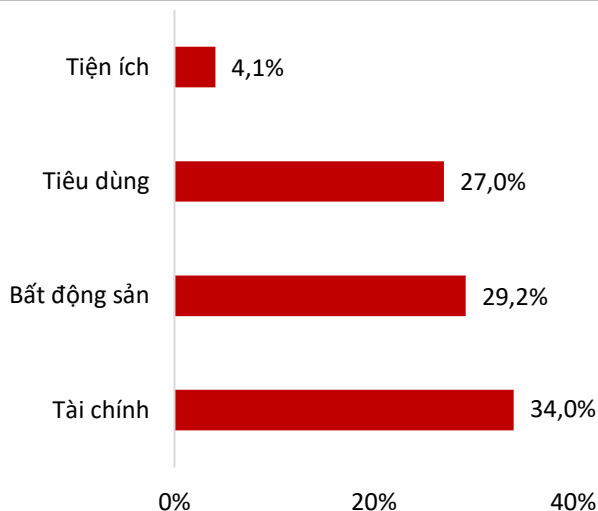
Thông tin quỹ

Ngày thành lập	01/04/2013
Phí quản lý	0,95% mỗi năm
Phí phát hành	0,0%
Phí mua lại	<ul style="list-style-type: none"> • 2,0% < 12 tháng • 0,5% >= 12 tháng • 0,0% >= 24 tháng
Mức đầu tư tối thiểu	2.000.000 VNĐ / ~USD90
Ngân hàng Giám sát & Lưu ký	Ngân hàng Standard Chartered (Việt Nam)
Công ty kiểm toán	PwC Việt Nam
Tần suất giao dịch	Thứ Ba và thứ Năm hàng tuần
Chỉ số tham chiếu	Bình quân lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của 4 ngân hàng cổ phần thương mại nhà nước gồm Vietcombank, BIDV, VietinBank và Agribank.

Chỉ số danh mục đầu tư

Thời gian đáo hạn bình quân (năm)	1,29
Lợi suất khi đáo hạn (%)	7,32

Phân bổ theo ngành



Danh mục đầu tư lớn

Tổ chức phát hành	Tỉ trọng (%)	Lợi Suất (%)	Chu kỳ đáo hạn (năm)
Viet Credit	17,8	8,4	1,1
Masan Group	11,0	6,6	1,0
Kinh Bac	10,8	10,7	1,3
Home Credit	10,1	6,6	1,3
Ha Do Group	9,8	9,4	0,9

Cập nhật thị trường và quỹ VFF

CẬP NHẬT THI TRƯỜNG

Lãi suất liên ngân hàng tháng 1 tiếp tục tăng do thanh khoản hệ thống ngân hàng giảm như đã dự báo, bởi yếu tố thời vụ là nhu cầu VN đồng tăng trong dịp Tết nguyên đán. Thêm vào đó, tín dụng tăng mạnh và không có hoạt động mua vào đô la Mỹ của Ngân hàng nhà nước cũng phần nào đóng góp cho sự thiếu hụt thanh khoản trong tháng 1. Tăng trưởng tín dụng tháng 1 bất ngờ tăng tốc đạt 2,74% so với đầu năm, tương đương 16,32% so với cùng kỳ năm ngoái; so với mức tăng chỉ 0,53% trong tháng 1 năm 2020. Do đó, lãi suất liên ngân hàng tăng 74 điểm cơ bản so với tháng trước, đóng cửa tại 2,33% một năm với kỳ hạn qua đêm; và đóng cửa tại 2,17% một năm (tăng 47 điểm cơ bản so với tháng trước) với kỳ hạn 1 tuần. Trong tháng 2, chúng tôi kỳ vọng áp lực lên thanh khoản liên ngân hàng sẽ giảm bớt phần nào khi SBV tái khởi động hoạt động mua USD khi nguồn cung USD dồi dào trở lại.

Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp tăng giảm đan xen khi giảm nhẹ từ 1-10 điểm cơ bản cho các kì hạn 1 năm, 10 năm và 30 năm; trong khi lại tăng nhẹ từ 1-4 điểm cơ bản ở các kỳ hạn 3, 5, 15 và 20 năm. Đường cong lợi suất trở nên phần hơn do quan ngại về việc Fed sẽ sớm tăng lãi suất. Trên thị trường sơ cấp, KBNN trong tháng phát hành 23,1 nghìn tỷ đồng TPCP, giảm 23,6% so với tháng trước do cả cung và cầu đều yếu. Cụ thể nguồn cung – giá trị gọi thầu giảm 23,9% so với tháng trước, do nhu cầu giải ngân đầu tư công trong tháng đầu năm thường là thấp. Theo đó, lãi suất trúng thầu giảm khoảng 13 điểm cơ bản so với tháng trước còn 2,36%; và kỳ hạn phát hành giảm xuống 15,8 năm so với mức 17,8 năm trong tháng 12.

Trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp, trong tháng 1 có 23 đợt phát hành TPĐN trong nước với tổng giá trị phát hành là 25,9 nghìn tỷ đồng. Nhóm ngành bất động sản và ngân hàng xếp vị trí thứ nhất và thứ hai về giá trị phát hành; chiếm 55,8% và 14,8%. Lãi suất của trái phiếu ngành ngân hàng dao động từ 6-8,5%; trong khi đó lãi suất của ngành bất động sản dao động trong khoảng 9,5-13% một năm.

CẬP NHẬT QUỸ VFF

Giá trị tài sản ròng (GTTSR) trên mỗi chứng chỉ quỹ của VFF đạt 19,263 VND tại thời điểm cuối tháng 1, tăng 0,80% so với tháng trước. Tổng GTTSR của VFF đạt 710 tỷ. Quỹ VFF đã đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp Công Ty Cổ Phần Điện Gia Lai (GEG) với mức lãi suất 9,5% và qua đó nâng tỷ trọng trái phiếu doanh nghiệp lên trên mức 50% tổng giá trị tài sản ròng vào cuối tháng 1 năm 2022.

Lợi nhuận hằng tháng

	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	Lợi nhuận từ đầu năm
2020	0,39%	0,48%	-0,25%	0,46%	0,87%	0,64%	0,41%	0,52%	0,36%	0,73%	0,64%	0,27%	5,67%
2021	0,57%	0,54%	0,36%	0,60%	0,63%	0,59%	0,60%	0,91%	0,52%	0,59%	0,67%	0,88%	7,72%
2022	0,80%												0,80%

Thông tin quan trọng

Những thông tin trong đây do Công ty cổ phần quản lý Quỹ VinaCapital (“Công ty”) soạn thảo và có thể được cập nhật, hoàn chỉnh, sửa đổi, điều chỉnh và xác nhận thêm mà không cần phải thông báo.

Thông tin không cấu thành hoặc hình thành nên một phần của bất kỳ chào bán nào hoặc gạ gẫm mua hoặc đăng ký mua bất kỳ cổ phiếu nào cũng như không tạo thành cơ sở hoặc liên quan đến hoặc hành động như là sự thuyết phục tham gia vào bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết dưới bất kỳ hình thức nào. Đối với những thông tin dự báo dựa trên việc ước lượng hoặc ý kiến của Công ty tại thời điểm thông tin được đưa ra, Công ty sẽ không có nghĩa vụ xác nhận hoặc cập nhật những thông tin trong tương lai nếu sự ước lượng hoặc ý kiến về tình huống hoặc quản lý thay đổi.